

Bản án số: 89/2021/HS-ST

Ngày: 04-11-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hữu Quang

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân Quận B, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/10 và ngày 04/11 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2021/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo họ và tên:

NTKP (tên gọi khác: /); giới tính: Nữ; sinh năm 1966 tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 74/5A khu phố 3, phường Đ, Quận B, Thành phố H; nơi cư trú: 1360/1/2 HTP, phường PM, Quận B, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; họ và tên cha: NVĐ, sinh năm 1930; họ và tên mẹ: DTM (đã chết); chồng: NVM (đã chết), có 02 con (lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1992); tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị khởi tố bị can, truy nã theo Lệnh truy nã số 10/LTN ngày 03/10/1997. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/01/2021 đến ngày 16/01/2021, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà LTT, sinh năm 1959; địa chỉ: 76/9 khu phố 3, phường Tân Thuận Đông, Quận B, Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa ngày 28/10/2021, vắng mặt tại phiên tòa ngày 04/11/2021)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên vào khoảng 06 giờ 50 phút ngày 11/9/1997, bị cáo NTKP đến nhà bà LTT tại địa chỉ 76/9 khu phố 3, phường Đ, Quận B, Thành phố H để mượn xe máy hiệu Magic biển số 50J-XXXX của bà T để đi xin việc làm. Bà T cho bị cáo NTKP mượn xe. Bị cáo NTKP điều khiển xe chở H (không rõ lai lịch) sang Quận T để tìm việc làm

nhưng không được. Bị cáo NTKP nảy sinh ý định mang xe Magic biển số 50J-XXXX đi cầm để lấy tiền trả nợ. Bị cáo NTKP mang xe đến chợ B, Quận M, Thành phố H gặp người phụ nữ và viết giấy cầm xe cho người đàn ông tên S (không rõ lai lịch), cầm xe với giá 5.000.000 đồng, bị cáo NTKP không nói xe là do bị cáo chiếm đoạt của người khác mà có. Bị cáo NTKP cho H 100.000 đồng để đi xe về. Sau đó, bị cáo NTKP ở trốn. Số tiền cầm xe có được, bị cáo đã tiêu xài và trả nợ hết.

Sau khi cầm xe, bị cáo NTKP nhờ người chuyển giấy cầm xe cho bà T. Bà T đi chuộc xe máy hiệu Magic biển số 50J-XXXX với giá 5.100.000 đồng. Khoảng hơn 01 năm sau, bị cáo NTKP liên hệ với bà T bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, trả lại cho bà T toàn bộ số tiền bà T chuộc xe là 5.100.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGTTTHS ngày 09/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận B, kết luận: “Xe máy hiệu Magic C100 biển số 50J-XXXX, đăng ký tháng 7/1996 có giá trị là 20.500.000 đồng”.

Tại Cơ quan Công an, NTKP đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại là bà LTT đã được bị cáo NTKP khắc phục hậu quả vào năm 1998, nên nay bà T có đơn bãi nại, không yêu cầu gì thêm. Tại phiên Tòa, bị hại bà LTT xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 68/CT-VKSQ7 ngày 18/6/2021 Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố H truy tố bị cáo NTKP về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 Bộ luật hình sự năm 1985.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố H vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 158 Bộ luật hình sự năm 1985; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;
- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa kết hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ, xét đã có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 11/9/1997, bị cáo NTKP đã lợi dụng việc quen thân giữa bị cáo với bị hại bà LTT để mượn 01 xe mô tô hiệu Magic biển số 50J – XXXX đi tìm việc làm nhưng sau đó đã có hành vi chiếm đoạt chiếc xe trên, cụ thể bị cáo đã đem chiếc xe trên đi cầm cố với số tiền 5.000.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 39/KL-HDDGTTHS ngày 09/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận B, kết luận: “Xe máy hiệu Magic C100 biển số 50J-XXXX, đăng ký tháng 7/1996 có giá trị là 20.500.000 đồng”.

Hành vi này của bị cáo NTKP đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985 nay quy định là tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a Khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Việc áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 1985 để xử lý bị cáo NTKP là có lợi hơn cho bị cáo. Nên Viện kiểm sát nhân dân Quận B truy tố bị cáo NTKP tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985 là đúng người, đúng tội.

Xuất phát từ động cơ tham lam T lợi, vì muốn có tiền tiêu xài và trả nợ bị cáo NTKP đã thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo, liều lĩnh. Hành vi này là nghiêm trọng vì đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản sở hữu hợp pháp của công dân. Vì vậy, cần xét xử bằng mức án nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; năm 1998 đã tự nguyện bồi thường cho bị hại để khắc phục hậu quả nên phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên Tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì sau đó khoảng một năm bị cáo đã chủ động bồi thường cho bị hại số tiền mà bị hại đã bỏ ra để chuộc xe về là 5.100.000 đồng, bị hại cho rằng vì lúc đó do hoàn cảnh túng quẫn nên bị cáo mới làm như vậy và hiện nay bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chồng chết nên cùng các con đi ở nhà mướn, nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì

vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét thấy, vụ án đã xảy ra được khoảng 24 năm, bị cáo do không hiểu biết pháp luật, nghĩ đã bồi thường cho bị hại vào năm 1998 là đã xong vụ việc nên không ra trình diện và vẫn tiếp tục sinh sống trên cùng địa bàn Quận B, Thành phố H. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng; lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ tại nơi cư trú, giao bị cáo cho Chính quyền nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Căn cứ vào xác nhận của Ủy ban nhân dân phường P, Hội đồng xét xử cũng thấy rằng, bị cáo trước đây làm lao công, tạp vụ, hiện nay do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên chưa đi làm, không có thu nhập nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: bị hại là bà LTT đã được bị cáo NTKP khắc phục hậu quả vào năm 1998, nên nay bà T có đơn bãi nại, không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 158 Bộ luật hình sự năm 1985; điểm h, b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo NTKP 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” nhưng được cản trở thời giam tạm giữ trước đó từ ngày 14/01/2021 đến ngày 16/01/2021 tương đương với 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, bị cáo NTKP còn phải chấp hành 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày tuyên án là ngày 04/11/2021.

Giao bị cáo NTKP cho Ủy ban nhân dân phường P, Quận B, Thành phố H để giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp bị cáo chuyển nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo NTKP.

2. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo NTKP cho đến khi có Quyết định Thi hành án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân H. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND Tp.H;
- Sở Tư pháp Tp. H;
- VKSND Quận B;
- Công an Quận B;
- Chi cục THADS Q.B;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu số án, VT, hồ sơ;
(TK. Trang) .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Phương